

## THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Nguyễn Duy Khánh<sup>1</sup>,  
Phan Huy Hùng<sup>1</sup>,  
Lê Quang Tường<sup>2,+</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Cần Thơ; <sup>2</sup>Trường Đại học FPT  
+ Tác giả liên hệ • Email: tuonglq@fe.edu.vn

### Article history

Received: 10/8/2022

Accepted: 08/9/2022

Published: 20/10/2022

### Keywords

Learning activities, training situation, students, FPT University Campus in Can Tho City

### ABSTRACT

Students' learning activities involve much intellectual independence with the self-awareness of learning motivation, learning goals and learning methods. Enhancing student learning activities is an important task contributing to improving the training quality of higher education institutions. The article presents the current situation of student's learning activities at FPT University in Can Tho city based on the results of a survey questionnaire with 351 respondents (including 287 students and 64 managers and lecturers). From the survey results, the researcher analyzed and evaluated the actual situation of achieving goals, contents, methods, skills and forms of learning activities among the students at FPT University in Can Tho City. This is the practical basis in proposing solutions to improve the students' learning activities at FPT University's Branch in Can Tho City in particular and educational institutions in general.

### 1. Mở đầu

Hoạt động giảng dạy và học tập được coi là nhiệm vụ trọng tâm của các cơ sở giáo dục. Tất cả các hoạt động khác trong nhà trường đều nhằm mục đích hướng đến nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập. Vì vậy, học tập chính là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của sinh viên (SV) trong các cơ sở giáo dục (Nguyễn Thanh Sơn, 2020). Thông qua các hoạt động học tập (HĐHT), người học tự hình thành và phát triển nhân cách của mình (Coates et al., 2005; Weaver et al., 2008). Để người học có thể hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ học tập, các cơ sở giáo dục tạo mọi điều kiện thuận lợi về quản lý, hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ và định hướng cho SV. Quy chế công tác SV đối với chương trình đào tạo đại học chính quy đã xác định vai trò quản lý HĐHT của SV là một trong những công tác trọng tâm ở trường đại học (Bộ GD-ĐT, 2016).

Phân hiệu Trường Đại học FPT tại TP. Cần Thơ là cơ sở giáo dục tư thục trực thuộc Trường Đại học FPT. Mặc dù là cơ sở còn khá mới, tuy nhiên Nhà trường đã xây dựng bộ máy quản lý HĐHT của SV tương đối hoàn chỉnh và đưa vào triển khai chính thức trong thời gian vừa qua. Bài báo này trình bày thực trạng HĐHT nhằm đánh giá thực trạng thực hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp, kỹ năng và hình thức HĐHT của SV Phân hiệu Trường Đại học FPT tại TP. Cần Thơ.

### 2. Kết quả nghiên cứu

#### 2.1. Khái niệm “hoạt động học tập của sinh viên”

“HĐHT” là khái niệm dùng để chỉ việc học diễn ra theo phương thức đặc thù, nhằm lĩnh hội các hiểu biết mới, kỹ năng, kỹ xảo mới (Phạm Minh Hạc, 1996, tr 62). Theo Vũ Dũng (2008), HĐHT diễn ra sự nắm bắt có kiểm soát những cơ sở kinh nghiệm xã hội và nhận thức, trước hết dưới dạng các thao tác trí tuệ và khái niệm lý luận cơ bản (tr 325). HĐHT là hoạt động bằng chính khối óc và cơ bắp, nhằm chiếm lĩnh tri thức, hình thành nên những giá trị, những kinh nghiệm và phương thức hoạt động tạo nên sự phát triển cho bản thân người học bằng một phương thức nhất định (Lê Thị Diệu Lý, 2020); mang tính đặc thù của con người được điều khiển bởi mục đích tự giác là lĩnh hội những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo mới, những hình thức hành vi và những dạng hoạt động nhất định, những giá trị (Lê Văn Hồng và cộng sự, 1998).

Nguyễn Thạc và Phạm Thành Nghị (2008) cho rằng, HĐHT ở bậc đại học là một loại hoạt động tâm lý được tổ chức một cách độc đáo của SV nhằm mục đích có ý thức là chuẩn bị trở thành người chuyên gia phát triển toàn diện, sáng tạo và có trình độ nghiệp vụ cao.

Có thể hiểu rằng, “HDHT của SV” là hoạt động nhận thức có mục đích, có tính chủ động, tích cực, tự giác cao của SV nhằm chiếm lĩnh tri thức khoa học của một ngành nghề nhất định, hình thành những kỹ năng, kỹ xảo tương ứng tạo nên những thay đổi về nhận thức của SV.

## 2.2. Khảo sát thực trạng hoạt động học tập của sinh viên Phân hiệu Trường Đại học FPT tại thành phố Cần Thơ

### 2.2.1. Phương pháp khảo sát

Chúng tôi thực hiện khảo sát về thực trạng HDHT của SV Phân hiệu Trường Đại học FPT tại TP. Cần Thơ đối với 287 SV tất cả các khối ngành và 64 cán bộ quản lý (CBQL), giảng viên (GV). Thời gian khảo sát từ tháng 02/2022 đến tháng 5/2022. Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, sau đó tiến hành phân tích số liệu, tính điểm trung bình (ĐTB), xếp hạng các nội dung theo ĐTB. Phương pháp xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 25.0.

### 2.2.2. Kết quả khảo sát

Chúng tôi thu được kết quả nội dung khảo sát HDHT của SV Phân hiệu Trường Đại học FPT tại TP. Cần Thơ như bảng 1.

Bảng 1. Nội dung khảo sát HDHT của SV Phân hiệu Trường Đại học FPT tại TP. Cần Thơ

STT	Nội dung khảo sát	Đối tượng	ĐTB	Xếp hạng
1	Mục đích học tập	SV	3,96	4
		CBQL, GV	4,20	5
2	Nội dung học tập	SV	3,94	5
		CBQL, GV	4,14	6
3	Phương pháp học tập	SV	3,94	5
		CBQL, GV	4,22	4
4	Kỹ năng học tập	SV	4,05	1
		CBQL, GV	4,39	1
5	Hình thức học tập	SV	3,99	2
		CBQL, GV	4,30	3
6	Kiểm tra, đánh giá HDHT	SV	3,98	3
		CBQL, GV	4,39	1
ĐTB chung		SV	<b>3,97</b>	
		CBQL, GV	<b>4,27</b>	

Kết quả bảng 1 cho thấy, thực trạng HDHT của SV Phân hiệu Trường Đại học FPT tại TP. Cần Thơ được đánh giá  $\text{ĐTB}_{\text{CBQL, GV}}=4,27$  (mức hoàn toàn đồng ý),  $\text{ĐTB}_{\text{SV}}=3,97$  (mức đồng ý). Nội dung Kỹ năng học tập và Kiểm tra, đánh giá HDHT được CBQL, GV đánh giá mức hoàn toàn đồng ý với ĐTB xếp hạng cao nhất ( $\text{ĐTB}=4,39$ ). Nội dung Kỹ năng học tập được SV đánh giá ĐTB cao nhất ( $\text{ĐTB}=4,05$ ) đạt ở mức đồng ý. Dựa trên kết quả khảo sát 287 SV và 64 CBQL, GV, kết quả chi tiết về thực trạng HDHT của SV Phân hiệu Trường Đại học FPT tại TP. Cần Thơ được trình bày như sau:

- Về mục tiêu học tập (bảng 2):

Bảng 2. Mục đích học tập của SV Phân hiệu Trường Đại học FPT tại TP. Cần Thơ

STT	Mục đích học tập		ĐTB	Thứ hạng
1	Đạt được kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo	SV	3,88	6
		CBQL, GV	4,41	2
2	Nắm vững hệ thống tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của ngành nghề	SV	3,88	6
		CBQL, GV	4,42	1
3	Nắm vững phương pháp nhận thức và hành động	SV	3,95	4
		CBQL, GV	4,28	5
4	Rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp	SV	4,07	1
		CBQL, GV	4,34	3
5	Đạt kết quả cao để có cơ hội việc làm tốt	SV	3,99	3
		CBQL, GV	4,34	3
6	Yêu thích nghề nghiệp tương lai	SV	4,02	2
		CBQL, GV	4,20	6

7	Có vị trí cao trong xã hội	SV	3,89	5
		CBQL, GV	3,72	7
<b>ĐTB chung</b>		<b>SV</b>	<b>3,96</b>	
		<b>CBQL, GV</b>	<b>4,20</b>	

Bảng 2 cho thấy, nhận định của CBQL và GV về việc xác định mục đích học tập của SV là đa số SV đều đã xác định được mục đích học tập, kết quả này cũng phù hợp với nhận định của SV, cụ thể như sau: Đạt được kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo (ĐTB<sub>SV</sub>=3,88, mức đồng ý, xếp hạng 6; ĐTB<sub>CBQL,GV</sub>=4,41, mức hoàn toàn đồng ý, xếp hạng 2); Nắm vững hệ thống tri thức, kỹ năng, kỹ xảo của ngành nghề (ĐTB<sub>SV</sub>=3,88, mức đồng ý, xếp hạng 6; ĐTB<sub>CBQL,GV</sub>=4,42, mức hoàn toàn đồng ý, xếp hạng 1); Nắm vững phương pháp nhận thức và hành động (ĐTB<sub>SV</sub>=3,95, mức đồng ý, xếp hạng 4; ĐTB<sub>CBQL,GV</sub>=4,28, mức hoàn toàn đồng ý, xếp hạng 5); Rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp (ĐTB<sub>SV</sub>=4,07, mức đồng ý, xếp hạng 1; ĐTB<sub>CBQL,GV</sub>=4,34, mức hoàn toàn đồng ý, xếp hạng 3); Đạt kết quả cao để có cơ hội việc làm tốt (ĐTB<sub>SV</sub>=3,99, mức đồng ý; ĐTB<sub>CBQL,GV</sub>=4,34, mức hoàn toàn đồng ý; cùng xếp hạng 3); Yêu thích nghề nghiệp tương lai (ĐTB<sub>SV</sub>=4,02, mức đồng ý, xếp hạng 2; ĐTB<sub>CBQL,GV</sub>=4,20, mức hoàn toàn đồng ý, xếp hạng 6); Có vị trí cao trong xã hội (ĐTB<sub>SV</sub>=3,89, mức đồng ý, xếp hạng 5; ĐTB<sub>CBQL,GV</sub>=3,72, mức hoàn toàn đồng ý, xếp hạng 7). Có thể nhận thấy, hầu hết SV Phân hiệu Trường Đại học FPT tại TP. Cần Thơ đã xác định được mục đích học tập, tuy nhiên vẫn còn một số ít SV chưa xác định được các mục đích học tập cho bản thân, Nhà trường cần có những hoạt động giúp SV xác định mục tiêu học tập.

- Về nội dung học tập (bảng 3):

*Bảng 3. Nội dung học tập của SV Phân hiệu Trường Đại học FPT tại TP. Cần Thơ*

STT	Nội dung học tập		ĐTB	Thứ hạng
1	Học nội dung môn học của chương trình dạy học	SV	3,97	4
		CBQL, GV	4,33	3
2	Học nội dung kiến thức mở rộng liên quan môn học của chương trình dạy học	SV	4,01	3
		CBQL, GV	4,31	4
3	Rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp	SV	4,05	1
		CBQL, GV	4,44	1
4	Học thêm nghiệp vụ nghề nghiệp liên quan đến ngành đào tạo, ngoại ngữ, tin học,...	SV	4,03	2
		CBQL, GV	4,39	2
5	Học lại nội dung bài giảng mới học trong ngày	SV	3,88	6
		CBQL, GV	3,80	6
6	Làm bài tập, đồ án, tiểu luận ở nhà	SV	3,92	5
		CBQL, GV	4,25	5
<b>ĐTB chung</b>		<b>SV</b>	<b>3,94</b>	
		<b>CBQL, GV</b>	<b>4,14</b>	

Nội dung học tập là một phần quan trọng trong chương trình học tập bậc đại học. Kết quả bảng 3 cho thấy, Học nội dung môn học của chương trình dạy học (ĐTB<sub>SV</sub>=3,97, mức đồng ý, xếp hạng 4; ĐTB<sub>CBQL,GV</sub>=4,33, mức hoàn toàn đồng ý, xếp hạng 3); Học nội dung kiến thức mở rộng liên quan môn học của chương trình dạy học (ĐTB<sub>SV</sub>=4,01, mức đồng ý, xếp hạng 3; ĐTB<sub>CBQL,GV</sub>=4,31, mức hoàn toàn đồng ý, xếp hạng 4); Rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp (ĐTB<sub>SV</sub>=4,05, mức đồng ý; ĐTB<sub>CBQL,GV</sub>=4,44, mức hoàn toàn đồng ý; cùng xếp hạng 1); Học thêm nghiệp vụ nghề nghiệp liên quan đến ngành đào tạo, ngoại ngữ, tin học,... (ĐTB<sub>SV</sub>=4,03, mức đồng ý; ĐTB<sub>CBQL,GV</sub>=4,39, mức hoàn toàn đồng ý; cùng xếp hạng 2); Học lại nội dung bài giảng mới học trong ngày (ĐTB<sub>SV</sub>=3,88, mức đồng ý; ĐTB<sub>CBQL,GV</sub>=3,80, mức đồng ý; cùng xếp hạng 6); Làm bài tập, đồ án, tiểu luận ở nhà (ĐTB<sub>SV</sub>=3,92, mức đồng ý; ĐTB<sub>CBQL,GV</sub>=4,25, mức hoàn toàn đồng ý; cùng xếp hạng 5). Kết quả phân tích cho thấy, SV đã có những nhận thức khá đúng đắn về mục đích học tập và thể hiện thông qua nội dung học tập của Nhà trường.

- Về phương pháp học tập (bảng 4):

*Bảng 4. Phương pháp học tập của SV Phân hiệu Trường Đại học FPT tại TP. Cần Thơ*

STT	Phương pháp học tập		ĐTB	Thứ hạng
1	Thực hiện theo yêu cầu và hướng dẫn của GV	SV	3,99	2
		CBQL, GV	4,22	5

2	Các phương pháp thu nhận thông tin (nghe giảng, ghi chép, đọc sách, hỏi, ghi nhớ thông tin...)	SV	3,98	4
		CBQL, GV	4,30	2
3	Các phương pháp xử lí thông tin (diễn đạt ý kiến, đặt câu hỏi, lập sơ đồ khái niệm...)	SV	3,98	4
		CBQL, GV	4,25	4
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	SV	3,95	7
		CBQL, GV	4,03	7
5	Phương pháp tương tác, hợp tác (học nhóm)	SV	3,99	2
		CBQL, GV	4,38	1
6	Phương pháp rèn luyện tư duy	SV	4,03	1
		CBQL, GV	4,30	2
7	Phương pháp tự kiểm tra, tự điều chỉnh HĐHT	SV	3,96	6
		CBQL, GV	4,08	6
<b>ĐTB chung</b>		<b>SV</b>	<b>3,94</b>	
		<b>CBQL, GV</b>	<b>4,22</b>	

Phương pháp học tập ở bậc đại học có tính quyết định đến kết quả học tập của mỗi SV. Kết quả ở bảng 4 cho thấy có sự tương đồng giữa CBQL, GV và SV trong đánh giá thực trạng về phương pháp học tập của SV. Hai phương pháp được CBQL, GV và SV đánh giá cao nhất là: Phương pháp tương tác, hợp tác (học nhóm) với  $\text{ĐTB}_{\text{SV}}=3,99$ , mức đồng ý, xếp hạng 2;  $\text{ĐTB}_{\text{CBQL, GV}}=4,38$ , mức hoàn toàn đồng ý, xếp hạng 1 và Phương pháp rèn luyện tư duy với  $\text{ĐTB}_{\text{SV}}=4,03$ , mức đồng ý, xếp hạng ;  $\text{ĐTB}_{\text{CBQL, GV}}=4,30$ , mức hoàn toàn đồng ý, xếp hạng 2. Các phương pháp như phương pháp tự kiểm tra, tự điều chỉnh HĐHT và phương pháp nghiên cứu khoa học được đánh giá khá thấp, cụ thể: Phương pháp tự kiểm tra, tự điều chỉnh HĐHT ( $\text{ĐTB}_{\text{SV}}=3,96$ , mức đồng ý;  $\text{ĐTB}_{\text{CBQL, GV}}=4,08$ , mức đồng ý; cùng xếp hạng 6); Phương pháp nghiên cứu khoa học ( $\text{ĐTB}_{\text{SV}}=3,95$ , mức đồng ý;  $\text{ĐTB}_{\text{CBQL, GV}}=4,03$ , mức đồng ý; cùng xếp hạng 7). Có thể nhận thấy, phương pháp học tập đa phần SV mới chỉ tập trung vào các nhiệm vụ học tập trước mắt, do GV giao cho; SV chưa thật sự chủ động học những nội dung mở rộng, khám phá kiến thức chuyên ngành ngoài nội dung học tập trên lớp. Đây là một trong nội dung cần được nhà trường quan tâm để lựa chọn những phương pháp phù hợp với thực tế.

- Về kỹ năng học tập (bảng 5):

Bảng 5. Kỹ năng học tập của SV Phân hiệu Trường Đại học FPT tại TP. Cần Thơ

STT	Kỹ năng học tập		ĐTB	Thứ hạng
1	Kỹ năng nghe giảng và ghi chép	SV	4,00	8
		CBQL, GV	4,08	9
2	Kỹ năng đọc sách	SV	3,96	9
		CBQL, GV	4,13	7
3	Kỹ năng lập kế hoạch học tập	SV	4,05	7
		CBQL, GV	4,22	6
4	Kỹ năng tư duy phê phán	SV	4,07	6
		CBQL, GV	4,09	8
5	Kỹ năng tư duy sáng tạo	SV	4,10	4
		CBQL, GV	4,30	4
6	Kỹ năng giao tiếp	SV	4,11	3
		CBQL, GV	4,25	5
7	Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm	SV	4,09	5
		CBQL, GV	4,42	2
8	Kỹ năng giải quyết vấn đề	SV	4,12	2
		CBQL, GV	4,42	2
9	Kỹ năng tìm kiếm thông tin	SV	4,13	1
		CBQL, GV	4,44	1
<b>ĐTB chung</b>		<b>SV</b>	<b>4,05</b>	
		<b>CBQL, GV</b>	<b>4,39</b>	

Bảng 5 cho thấy, thực trạng về kỹ năng học tập của SV Phân hiệu Trường Đại học FPT tại TP. Cần Thơ có 2 kỹ năng được CBQL, GV và SV đánh giá cao nhất là Kỹ năng tìm kiếm thông tin với  $\text{ĐTB}_{\text{SV}}=4,13$ , mức đồng ý;  $\text{ĐTB}_{\text{CBQL,GV}}=4,44$ , mức hoàn toàn đồng ý; cùng xếp hạng 1 và Kỹ năng giải quyết vấn đề với  $\text{ĐTB}_{\text{SV}}=4,12$ , mức đồng ý;  $\text{ĐTB}_{\text{CBQL,GV}}=4,42$ , mức hoàn toàn đồng ý; cùng xếp hạng 2. Ngoài ra, có 4 kỹ năng học tập có ảnh hưởng lớn đến quá trình học tập của SV được đánh giá ở mức thấp nhất, đó là: Kỹ năng nghe giảng và ghi chép ( $\text{ĐTB}_{\text{SV}}=4,00$ , mức đồng ý, xếp hạng 8;  $\text{ĐTB}_{\text{CBQL,GV}}=4,08$ , mức đồng ý, xếp hạng 9); Kỹ năng đọc sách ( $\text{ĐTB}_{\text{SV}}=3,96$ , mức đồng ý, xếp hạng 9;  $\text{ĐTB}_{\text{CBQL,GV}}=4,13$ , mức đồng ý, xếp hạng 7); Kỹ năng lập kế hoạch học tập ( $\text{ĐTB}_{\text{SV}}=4,05$ , mức đồng ý, xếp hạng 7;  $\text{ĐTB}_{\text{CBQL,GV}}=4,22$ , mức hoàn toàn đồng ý, xếp hạng 6); Kỹ năng tư duy phê phán ( $\text{ĐTB}_{\text{SV}}=4,07$ , mức đồng ý, xếp hạng 6;  $\text{ĐTB}_{\text{CBQL,GV}}=4,09$ , mức đồng ý, xếp hạng 8).  $\text{ĐTB}$  chung về kỹ năng học tập của SV:  $\text{ĐTB}_{\text{SV}}=4,05 < \text{ĐTB}_{\text{CBQL,GV}}=4,39$ . Kết quả này cho thấy có sự khác biệt giữa CBQL, GV và SV trong đánh giá kỹ năng học tập của SV, theo đó, CBQL, GV đánh giá mức độ SV đạt được về kỹ năng học tập bậc ĐH cao hơn so với đánh giá của SV. Kỹ năng học tập đòi hỏi năng lực tự học, tự làm việc và sự chủ động của SV chưa được đánh giá cao.

- Về hình thức học tập (bảng 6):

Bảng 6. Hình thức học tập của SV Phân hiệu Trường Đại học FPT tại TP. Cần Thơ

STT	Hình thức học tập	ĐTB	Thứ hạng	
1	Học trên lớp theo thời khóa biểu	SV	4,01	3
		CBQL, GV	4,38	1
2	Tự học (đọc sách, làm bài tập, chuẩn bị bài mới,...)	SV	3,90	6
		CBQL, GV	4,36	2
3	Thực hành, thực tập, tham quan thực tế	SV	4,03	1
		CBQL, GV	4,31	4
4	Nghiên cứu khoa học	SV	3,97	5
		CBQL, GV	4,05	6
5	Học ngoại khóa (tham gia các câu lạc bộ học thuật, cuộc thi, diễn đàn học tập,...)	SV	4,01	3
		CBQL, GV	4,20	5
6	Học nhóm	SV	4,01	2
		CBQL, GV	4,36	2
<b>ĐTB chung</b>		SV	<b>3,99</b>	
		CBQL, GV	<b>4,30</b>	

Kết quả bảng 6 cho thấy, học trên lớp theo thời khóa biểu ( $\text{ĐTB}_{\text{SV}}=4,01$ , mức đồng ý, xếp hạng 3;  $\text{ĐTB}_{\text{CBQL,GV}}=4,38$ , mức hoàn toàn đồng ý, xếp hạng 1); Tự học (đọc sách, làm bài tập, chuẩn bị bài mới,...) ( $\text{ĐTB}_{\text{SV}}=3,90$ , mức đồng ý, xếp hạng 6;  $\text{ĐTB}_{\text{CBQL,GV}}=4,36$ , mức hoàn toàn đồng ý, xếp hạng 2); Thực hành, thực tập, tham quan thực tế ( $\text{ĐTB}_{\text{SV}}=4,03$ , mức đồng ý, xếp hạng 1;  $\text{ĐTB}_{\text{CBQL,GV}}=4,31$ , mức hoàn toàn đồng ý, xếp hạng 4); Nghiên cứu khoa học ( $\text{ĐTB}_{\text{SV}}=3,97$ , mức đồng ý, xếp hạng 5;  $\text{ĐTB}_{\text{CBQL,GV}}=4,05$ , mức đồng ý, xếp hạng 6); Học ngoại khóa (tham gia các câu lạc bộ học thuật, cuộc thi, diễn đàn học tập,...) ( $\text{ĐTB}_{\text{SV}}=4,01$ , mức đồng ý, xếp hạng 3;  $\text{ĐTB}_{\text{CBQL,GV}}=4,20$ , mức hoàn toàn đồng ý, xếp hạng 5); Học nhóm ( $\text{ĐTB}_{\text{SV}}=4,01$ , mức đồng ý, xếp hạng 2;  $\text{ĐTB}_{\text{CBQL,GV}}=4,36$ , mức hoàn toàn đồng ý, xếp hạng 2). Kết quả phân tích trên cho thấy đa phần CBQL, GV và SV Phân hiệu Trường Đại học FPT tại TP. Cần Thơ xác định được hình thức học tập và giảng dạy để truyền tải hệ thống kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo của ngành nghề và rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tương lai.

- Về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (bảng 7):

Bảng 7. Kiểm tra, đánh giá HĐHT của SV Phân hiệu Trường Đại học FPT tại TP. Cần Thơ

STT	Kiểm tra, đánh giá HĐHT	ĐTB	Thứ hạng	
1	Thông tin về hoạt động kiểm tra, đánh giá HĐHT (thời gian, bảng tiêu chí đánh giá, thang điểm,...)	SV	4,02	3
		CBQL, GV	4,45	3
2	Đảm bảo hình thức kiểm tra, đánh giá HĐHT đa dạng (tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp,...)	SV	4,00	5
		CBQL, GV	4,47	2
3	Thực hiện yêu cầu kiểm tra, đánh giá HĐHT (chuyên cần, bài tập giữa kì, bài tập nhóm, thi cuối kì,...)	SV	4,02	2
		CBQL, GV	4,48	1

4	Điều chỉnh phương pháp học tập trên cơ sở thông tin kết quả kiểm tra, đánh giá HĐHT	SV	4,01	4
		CBQL, GV	4,34	5
5	Giải đáp thắc mắc và giải quyết khiếu nại kết quả kiểm tra, đánh giá HĐHT	SV	4,03	1
		CBQL, GV	4,45	3
<b>ĐTB chung</b>		SV	3,98	
		CBQL, GV	4,39	

Bảng 7 cho thấy, thông tin về hoạt động kiểm tra, đánh giá HĐHT (thời gian, bảng tiêu chí đánh giá, thang điểm,...) (ĐTB<sub>SV</sub>=4,02, mức đồng ý, xếp hạng 3; ĐTB<sub>CBQL,GV</sub>=4,45, mức hoàn toàn đồng ý, xếp hạng 3); Đảm bảo hình thức kiểm tra, đánh giá HĐHT đa dạng (tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp,...) (ĐTB<sub>SV</sub>=4,00, mức đồng ý, xếp hạng 5; ĐTB<sub>CBQL,GV</sub>=4,47, mức hoàn toàn đồng ý, xếp hạng 2); Thực hiện yêu cầu kiểm tra, đánh giá HĐHT (chuyên cần, bài tập giữa kì, bài tập nhóm, thi cuối kì,...) (ĐTB<sub>SV</sub>=4,02, mức đồng ý, xếp hạng 2; ĐTB<sub>CBQL,GV</sub>=4,48, mức hoàn toàn đồng ý, xếp hạng 1); Điều chỉnh phương pháp học tập trên cơ sở thông tin kết quả kiểm tra, đánh giá HĐHT (ĐTB<sub>SV</sub>=4,01, mức đồng ý, xếp hạng 4; ĐTB<sub>CBQL,GV</sub>=4,34, mức hoàn toàn đồng ý, xếp hạng 5); Giải đáp thắc mắc và giải quyết khiếu nại kết quả kiểm tra, đánh giá HĐHT (ĐTB<sub>SV</sub>=4,03, mức đồng ý, xếp hạng 1; ĐTB<sub>CBQL,GV</sub>=4,45, mức hoàn toàn đồng ý, xếp hạng 3). Như vậy, về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được nhà trường thực hiện tốt với kết quả khảo sát CBQL, GV và SV đánh giá cao công tác này. Để nâng cao hiệu quả công tác này đòi hỏi CBQL và GV cần cải tiến những tiêu chí, hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp trong thời gian tới.

### 3. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy CBQL, GV và SV Phân hiệu Trường Đại học FPT tại TP. Cần Thơ cơ bản đã xác định được mục tiêu học tập đúng đắn và hướng đến mục tiêu cuối cùng là phát triển nghề nghiệp trong tương lai. Tuy nhiên, kết quả khảo sát về nội dung, phương pháp và hình thức học tập cho thấy đa phần SV mới chỉ tập trung vào các nhiệm vụ học tập trước mắt, do GV giao cho; SV chưa thật sự chủ động học những nội dung mở rộng, khám phá kiến thức chuyên ngành ngoài nội dung học tập trên lớp; những phương pháp, kỹ năng học tập đòi hỏi năng lực tự học, tự làm việc và sự chủ động của SV chưa được đánh giá cao. Thực trạng nêu trên sẽ là cơ sở đề xuất giải pháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng HĐHT của SV Phân hiệu Trường Đại học FPT tại TP. Cần Thơ.

### Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2016). *Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 về việc ban hành quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy*.
- Coates, H., James, R., & Baldwin, G. A. (2005). Critical Examination Of The Effects Of Learning Management Systems On University Teaching And Learning. *Tertiary Education and Management*, 11(1), 19-36. <https://doi.org/10.1007/s11233-004-3567-9>
- Lê Thị Diệu Lý (2020). Thực trạng quản lý hoạt động học tập của học sinh các trường tiểu học quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Giáo dục*, 448, 31-37.
- Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thành (1998). *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Thạch, Phạm Thành Nghị (2008). *Tâm lý học sư phạm Đại học*. NXB Đại học Sư phạm.
- Nguyễn Thanh Sơn (2020). *Quản lý hoạt động học tập của sinh viên tại các trường đại học ngoài công lập phía Nam*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phạm Minh Hạc (1996). *Một số vấn đề giáo dục và khoa học giáo dục*. NXB Giáo dục.
- Vũ Dũng (2008). *Từ điển Tâm lý học*. NXB Từ điển Bách khoa.
- Weaver, D., Spratt, C., & Nair, C. S. (2008). Academic and student use of a learning management system: Implications for quality. *Australasian Journal of Educational Technology*, 24(1), 30-41. <https://doi.org/10.14742/ajet.1228>